

TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, HCM, ĐT: (08) 38205968 Fax: (08) 3829757

BẢN BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103003297 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24/07/2007)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

Công ty Cổ phần In Số 4

Địa chỉ: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3

Điện thoại : (84.8) 38205968 Fax: (84.8) 38297577

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Trần Thành Quân Triết**

Chức vụ: *Nhân viên Kế toán Tổng hợp – Công ty Cổ phần In số 4*

Điện thoại: 08. 38291312 Fax: 08. 38297577

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103003297 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/042005 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24/07/2007)



ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần In số 4
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng
Tổng số lượng đăng ký giao dịch	1.200.000 cổ phần
Tổng giá trị đăng ký giao dịch:	12.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SAO VIỆT

Trụ sở chính: 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Tp HCM

Điện thoại: (84.8) 35261357 Fax: (84.8) 35261359

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ:

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: 306 Bà Triệu- Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Số điện thoại: (84.4) 3 9360261

Fax: (84.4) 39741760

Website: www.vietinbank.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4


(Ban hành kèm theo thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Trưởng Bộ tài
Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

MỤC LỤC

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
1. Giới thiệu chung về Công ty	3
2. Những sự kiện quan trọng	3
3. Quá trình phát triển	3
4. Định hướng phát triển	5
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2011	6
1. Những thuận lợi và khó khăn của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011	6
2. Công tác đầu tư	6
3. Công tác quản trị	7
4. Việc niêm yết cổ phiếu	7
5. Các công tác khác	7
6. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính năm 2011	8
TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TƯƠNG LAI	8
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	10
1. Báo cáo tình hình tài chính	10
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	11
3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được	12
4. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng	12
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai	12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2011	14
CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	19
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	20
1. Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Điều hành	21
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách với người lao động	27
4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán	29
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	31
1. Thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	31
2. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty	33
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông	33
4. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	34

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Giới thiệu chung về Công ty

Tên gọi	CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4
Tên giao dịch quốc tế	No 4 printing jonit – stock company
Tên viết tắt	IN4 JSC
Địa chỉ:	61 Phạm Ngọc Thạch Phường 6 , Quận 3
Logo	
Điện thoại	08. 38205968
Fax	08. 38297577
E-mail	Ctcpin4@vnn.vn

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103003297 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 24/07/2007)

2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297, Công ty Cổ phần In số 4 có ngành nghề kinh doanh như sau: In các loại sản phẩm: sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh, hóa đơn chứng từ. Đóng xén sách báo, bế hộp, mạ nhũ vàng. Cho thuê văn phòng.

Tình hình hoạt động

Công Ty Cổ Phần In số 4 tiền thân là Xí Nghiệp Quốc doanh In số 4 - được thành lập từ tháng 12/1979 thuộc Sở Văn hóa Thông tin sau đó đổi tên thành Xí nghiệp In số 4 theo Quyết định số 145/QĐ-UB ngày 26/11/1992 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiến hành thành công công tác cổ phần hóa Xí nghiệp, Công ty đã chính thức lấy tên Công ty Cổ phần In số 4 vào tháng 4/2005.

Hoạt động với tinh thần trách nhiệm, công khai, dân chủ và đoàn kết, cán bộ công nhân viên trong công ty đã tạo nên một tập thể vững mạnh với đội ngũ lao động có tay nghề cao và dần từng bước xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh, khẳng định vị thế của doanh nghiệp không chỉ ở phạm vi trong nước và khu vực.

Sau hơn 30 năm hoạt động, với sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo, Công ty không chỉ nhận được sự tín nhiệm của khách hàng, lòng tin của người tiêu

dùng mà còn được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa Thông tin và Chính phủ.

Với tiềm năng phát triển và những thành tích đã đạt được, Công ty đã đang và luôn phấn đấu nhằm thực hiện mục tiêu không chỉ ổn định và chăm lo đời sống người lao động mà còn đóng góp vào sự phát triển chung của ngành, của Thành phố và đất nước.

3. Định hướng phát triển

- ✚ Duy trì và củng cố nguồn việc dài hạn, khai thác thêm nguồn việc mới.
- ✚ Nâng cao chất lượng sản phẩm trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ.
- ✚ Xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý nhằm khuyến khích người lao động, sắp xếp lại lao động ở một số khâu nhằm tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- ✚ Tiết giảm chi phí và vận dụng nguồn vốn hiện có một cách linh hoạt.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I.- TÌNH HÌNH CHUNG :

Năm 2011, khi đề ra kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm, Công ty đã đưa ra nhận định tình hình kinh tế vĩ mô sẽ “rất không thuận lợi cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp” và do đó Công ty chủ trương “phòng thủ” khi đề ra các mục tiêu kế hoạch năm 2011.

Thực tế đã cho thấy nhận định của Công ty hoàn toàn đúng khi mà hàng loạt các yếu tố vĩ mô bất ổn như giá cả, lãi suất ngân hàng, lạm phát, thất nghiệp, ... làm cho các doanh nghiệp khốn đốn, cắt giảm sản xuất, đóng cửa. Theo công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, số lượng doanh nghiệp giải thể, phá sản, ngừng hoạt động cho đến hết năm 2011 đã lên đến 79.014 doanh nghiệp.

Các nhà kinh tế đều thống nhất nhận định : tác động của chính sách thắt chặt tài khóa - tiền tệ cùng với định hướng kinh doanh thiếu chính xác, đã khiến nhiều doanh nghiệp lâm vào tình thế rất khó khăn, thua lỗ nặng, mất khả năng thanh toán (Luật phá sản Việt Nam quy định “Doanh nghiệp, Hợp tác xã không

có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản”).

Trong bối cảnh chung có nhiều yếu tố không thuận lợi đó, Công ty lại có được yếu tố rất thuận lợi là không bị tác động bởi lãi suất ngân hàng vì nguồn vốn hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty đầy đủ, ổn định và do đó không phải đi vay ngân hàng chịu lãi suất quá cao. Lãi suất ngân hàng quá cao (vào bậc nhất thế giới) và kéo dài là một trong những lý do chủ yếu khiến doanh nghiệp phá sản hàng loạt.

Một yếu tố thuận lợi nữa là nguồn việc và giá công in được duy trì khá tốt, nhất là nguồn việc có tính chất ổn định, lâu dài như vé số, sách giáo khoa, lịch. Điều này có được nhờ sự hợp tác tin cậy, bền vững giữa Công ty với các đơn vị khách hàng lớn như Công ty XSKT Đồng Nai, Công ty XSKT Tây Ninh, Công ty XSKT Long An, Nhà xuất bản Giáo Dục, Nhà xuất bản Thời Đại, ...

Tuy vậy, tác động của sự khủng hoảng tài chính - tiền tệ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Công ty không phải nhỏ, đó là :

Thứ nhất, trước tình hình khó khăn về tài chính và giảm sút các hoạt động kinh doanh dịch vụ, phía đối tác của Công ty trong chương trình hợp tác sử dụng mặt bằng và di dời đã đề nghị tạm dừng lại chương trình này. Trong kế hoạch 2011 trình Đại hội năm ngoái, Công ty có đề ra mục tiêu di dời, tập trung mặt bằng sản xuất trên cơ sở hợp tác giữa Công ty và Công ty Cổ phần Giáo dục Viễn Đông, công việc đã được xúc tiến đến giai đoạn chuẩn bị bàn giao mặt bằng, thế nhưng phía đối tác đã đề nghị tạm hoãn chương trình vào tháng 8 do gặp phải những khó khăn trong hoạt động và hứa sẽ tiếp tục khi tình hình được cải thiện, phục hồi hoạt động.

Thứ hai, trong mùa lịch bloc năm 2011 đã xảy ra tình trạng ế ẩm, không tiêu thụ được, tồn kho lớn, khiến các đơn vị làm lịch không thu được tiền để thanh toán công in cho Công ty. Việc này đã làm phát sinh công nợ giữa Công ty với các đơn vị làm lịch và các Công ty in khác đã gia công hỗ trợ Công ty cho kịp tiến độ sản xuất.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2011 với kết quả sau đây.

II.- KẾT QUẢ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2011 :

1/ Về sản xuất - kinh doanh :

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được :

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	So sánh (%)
1/ Giá trị sản xuất công nghiệp (Giá cố định 1994)	Triệu đồng	29.700	31.391	105
2/ Sản phẩm chủ yếu (Trang in 13 x 19)	Triệu trang in	5.600	5.937	106
3/ Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	32.000	45.060	140
4/ Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.200	6.909	216
5/ Nộp ngân sách	Triệu đồng	2.400	4.679	195
6/ Tổng số lao động bình quân	Người	207	199	96
7/ Thu nhập b/q (người/tháng)	1.000 đồng	5.000	5.300	106
8/ Tỷ lệ cổ tức/cổ phần	%	16 → 18	23	144

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, trong đó các chỉ tiêu tài chính như doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đều vượt khá cao.

Trên cơ sở kết quả thu nhập của Công ty như nêu trong bảng số liệu trên, Hội đồng Quản trị đề xuất tỷ lệ chia cổ tức cho mỗi cổ phần là 23% để Đại hội quyết định.

2/ Hoạt động Đảng, đoàn thể và chăm lo đời sống cho người lao động

:

- Đảng bộ Cty hiện nay có 35 đảng viên, được chia thành 3 Chi bộ. Trong năm 2011, Đảng bộ Công ty thực hiện tốt nghị quyết của Đảng bộ & Đảng ủy Tổng Công ty. Hoạt động của Đảng đã gắn kết với kế hoạch sản xuất - kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh khó khăn chung của các doanh nghiệp do

ảnh hưởng suy thoái kinh tế, Đảng ủy đã lãnh đạo các đảng viên là thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban điều hành đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục khó khăn, giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 đề ra.

- Đảng Ủy lãnh đạo các Chi bộ, duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo Điều lệ, tổ chức cho đảng viên, cán bộ chủ chốt học nghị quyết, nghe thời sự nhằm nâng cao nhận thức góp phần cùng Công ty hoàn thành kế hoạch. Công tác phát triển Đảng được quan tâm, kết quả trong năm đã kết nạp được 3 đảng viên mới là công nhân trực tiếp sản xuất.

- Đảng ủy đã lãnh đạo thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như chăm lo Tết, chi đầy đủ các khoản phúc lợi đã ký kết trong Bản Thỏa ước Lao động Tập thể, khen thưởng hoàn thành kế hoạch, khen thưởng tập thể, cá nhân trong tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể đã đạt được những thành tích xuất sắc trong công tác, sản xuất nhằm động viên người lao động tích cực tham gia công tác, sản xuất tốt góp phần hoàn thành kế hoạch - sản xuất năm.

Các chế độ : Khám sức khỏe hàng năm, sửa độc hại, trang bị đồ Bảo hộ lao động cho người lao động; trang bị các phương tiện PCCC và tập huấn công tác phòng chống cháy nổ tại chỗ được thực hiện đúng theo Luật quy định.

- Đảng ủy đã lãnh đạo tổ chức Công đoàn thực hiện tốt nghị quyết Công đoàn đề ra. Đề hoạt động Công đoàn gắn với hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty một cách thực tế và trọng tâm, Công đoàn tích cực vận động đoàn viên tích cực tham gia sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu hầu giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận cho Công ty.

Bên cạnh đó, Công đoàn thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Công tác chăm lo, thăm hỏi, giúp đỡ kịp thời người lao động khi họ ốm đau, bệnh tật. Thành lập Quỹ mái ấm Công đoàn để giúp đỡ người lao động thực sự gặp khó khăn với hình thức cho vay không lấy lãi và trả dần vào lương hàng tháng. Riêng những lao động bị bệnh hiểm nghèo được Công đoàn giúp đỡ từ nguồn quỹ Công đoàn và vận động tất cả CB-CNV tham gia đóng góp, hỗ trợ tinh thần để giải quyết phần nào khó khăn cho người lao động. Các hoạt động văn nghệ, thể thao được quan tâm và tạo nhiều sân chơi phong phú cho người lao động được tham gia sau những ngày lao động mệt mỏi.

- Chi đoàn TNCS đã tích cực vận động đoàn viên tích cực sản xuất trong những mùa vụ sản xuất cao điểm; Chi đoàn đã cố gắng tập hợp thanh niên tham

gia công tác xã hội, từ thiện; tham gia vào các hoạt động thể thao như : bóng đá, bida... với các đơn vị bạn trong khối in nhằm tạo sân chơi lành mạnh và duy trì sức khỏe cho người lao động.

III.- KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2012 :

1/ Nhận định tình hình chung :

Bước vào năm 2012, tình hình kinh tế thế giới vẫn còn rất xấu và ảnh hưởng đến tất cả các nước trên thế giới.

Tại Việt Nam, nhiều nhà kinh tế đưa ra quan điểm do Việt Nam chịu sự tác động mạnh của tình hình kinh tế thế giới đồng thời do tình trạng lạm phát cao, mất cân bằng cán cân thanh toán vãng lai, hệ thống ngân hàng đang có vấn đề cần phải tái cấu trúc, nhiều doanh nghiệp đang mất khả năng thanh toán, ... nên khó khăn nội tại của nền kinh tế tiếp tục tồn tại.

Diễn biến trong quý I vừa qua, cho thấy tình hình hoạt động của các doanh nghiệp tỏ ra xấu hơn năm 2011 : có thêm hàng ngàn doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, rất nhiều doanh nghiệp nợ thuế và mất khả năng thanh toán; nợ xấu của ngân hàng ngày càng tăng do có nhiều doanh nghiệp tuyên bố đóng cửa, phá sản.

Nguyên nhân khiến một số lượng lớn doanh nghiệp phải giải thể, ngừng hoạt động đã quá rõ : chi phí sản xuất - kinh doanh quá cao. Lãi suất tín dụng cao nhất (vào loại cao nhất thế giới), những đợt tăng liên tiếp giá điện, xăng - dầu, sức mua của thị trường suy giảm nghiêm trọng (chỉ còn bằng một nửa so với cùng kỳ năm ngoái), giá cả nhiều loại vật tư cho sản xuất vẫn tiếp tục tăng.

Trong bối cảnh đó, Công ty không thể chủ quan đề ra các mục tiêu tăng trưởng mà chủ yếu giữ cho hoạt động không suy giảm.

2/ Các mục tiêu kế hoạch năm 2012 :

- Về sản xuất kinh doanh :

Công ty đăng ký các chỉ tiêu như sau :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2012
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (GCD 94)	Triệu đồng	29.000

2	Sản phẩm chủ yếu : Trang in 13 x 19	Triệu trang	5.500
3	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	37.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.800
5	Trích lập quỹ Dự phòng tài chính 10%	'	280
6	Trích lập quỹ Khen thưởng Phúc lợi (% thu nhập sau thuế)	%	15 → 20
7	Tỷ lệ cổ tức/cổ phần	%	16 → 18

- Về đầu tư :

Do việc hợp tác di dời và tập trung mặt bằng đã bị ngưng lại, Hội đồng Quản trị đã đề ra chương trình xây dựng lại mặt bằng Phan Đăng Lưu với kinh phí khoảng 4 → 5 tỷ đồng (một trệt, một lầu, đúc bê tông), thời gian thi công khoảng 6 tháng. Sau khi hoàn thành, nơi đây sẽ bố trí máy in Offset ở tầng trệt và khâu thành phẩm ở tầng lầu (trả lại mặt bằng Nơ Trang Long đang thuê của Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn). Toàn bộ công việc thiết kế, thi công xây lắp đều được đơn vị tổ chức đấu thầu công khai theo quy định của nhà nước.

Về máy móc, thiết bị dự kiến sẽ mua thêm máy in Offset và một số máy móc cho khâu thành phẩm. Các máy in 1 màu đặt tay sẽ cho thanh lý.

- Về công tác quản lý :

Trong năm 2012 có sự thay đổi nhân sự trong Hội đồng Quản trị. Sau khi Đại hội xem xét, quyết định Hội đồng Quản trị sẽ thông báo việc phân công mới và đề ra chương trình công tác trong thời gian sắp tới.

Mức trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi hiện nay 10% trên thu nhập là quá thấp, không đủ để chăm lo đời sống của người lao động trong tình hình vật giá tăng cao. Công đoàn Công ty và Hội đồng Quản trị đề xuất tăng mức trích lập lên 20% thu nhập sau thuế từ năm 2012 và trình Đại hội xem xét sửa đổi điều 40.3 Điều lệ Công ty.

KẾT LUẬN :

Năm 2012 vẫn tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức đối với Công ty. Mặc dù đề ra kế hoạch một cách thận trọng nhưng Ban quản lý, điều hành và toàn thể CB-CNV sẽ nỗ lực, đoàn kết, phấn đấu thực hiện một cách cao nhất có thể.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		33,430,837,170	21,543,914,883
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18,362,771,250	15,585,301,015
1. Tiền	111	V.01	362,771,250	585,301,015
- Tiền mặt	111A		172,053,134	365,102,572
- Tiền gửi ngân hàng	111B		190,718,116	220,198,443
- Tiền đang chuyển	111C			
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,000,000,000	15,000,000,000
- Tiền gửi NH (tương đương tiền)	112A			
- Tiền đang chuyển	111D			
- Cổ phiếu (tương đương tiền)	112B			
- Trái phiếu (tương đương tiền)	112C			
- Tiền gửi NH kỳ hạn ngắn (tương đương tiền)	112D		18,000,000,000	15,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
- Đầu tư ngắn hạn	121A			
- Đầu tư ngắn hạn: CP (vì mục đích thương mại)	12A1			
- Đầu tư ngắn hạn: CP (vì mục đích đầu tư)	12A2			
- Đầu tư ngắn hạn: TP (vì mục đích đầu tư)	12A4			
- Đầu tư ngắn hạn: TP (vì mục đích thương mại)	12A3			
- Đầu tư ngắn hạn khác	121B			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9,001,410,305	4,448,596,182
1. Phải thu của khách hàng	131		8,930,902,086	3,337,802,252
2. Trả trước cho người bán	132			1,000,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Vốn KD ở các đơn vị trực thuộc	133A			
- Phải thu nội bộ khác / Thue TNCN	133B			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp	134			

đồng xây dựng				
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	1,070,508,219	110,793,930
- Phải thu khác / XN In so1 (1384)	13A			
- Phải thu khác / CP hoa (1385)	13B		28,270,000	64,480,000
- Phải thu khác / Tam ung(141)	13C			25,590,000
- Phải thu khác (1388)	13D		1,000,000,000	
- Phải thu khác (1383)	13E		42,238,219	20,723,930
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-1,000,000,000	
IV. Hàng tồn kho	140		4,573,720,325	1,490,017,686
1. Hàng tồn kho	141	V.04	4,573,720,325	1,490,017,686
Hàng mua đang đi trên đường	141A			
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	141B		3,322,350,275	1,483,336,389
Công cụ, dụng cụ trong kho	141C		19,336,188	6,681,297
Chi phí SXKD dở dang	141D		1,232,033,862	
Thành phẩm tồn kho	141E			
Hàng hóa tồn kho	141F			
Hàng gửi đi bán	141G			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,492,935,290	20,000,000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		650,227,190	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (333)	154A	V.05		
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		842,708,100	20,000,000
5. Tài sản ngắn hạn khác (144)	158A		842,708,100	20,000,000
5. Tài sản ngắn hạn khác ()	158B			
B. Tài sản dài hạn				
(200=210+220+240+250+260)	200		2,056,858,134	3,133,813,259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
- Phải thu dài hạn khác	218A			
- Phải thu dài hạn khác (244)	218B			
- Phải trả về CPH ()	218C			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

II. Tài sản cố định	220		2,056,858,134	3,133,813,259
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	2,056,858,134	3,133,813,259
- Nguyên giá	222		23,023,993,957	25,468,303,185
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	-
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
- Đầu tư vào công ty liên doanh	252A			
- Đầu tư vào công ty liên kết	252B			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		35,487,695,304	24,677,728,142
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		14,792,965,236	6,554,688,100
I. Nợ ngắn hạn	310		14,792,965,236	6,554,688,100
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
- Vay ngắn hạn	311A			
- Vay dài hạn đến hạn trả	311B			
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	311C			
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	311D			
2. Phải trả người bán	312		8,611,080,343	1,398,311,950
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2,372,227,171	517,486,867

5. Phải trả người lao động	315		2,188,581,960	2,996,011,781
6. Chi phí phải trả	316	V.17		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	99,982,921	157,708,161
- Phải trả & phải nộp khác (3381)	31A			
- Phải trả & phải nộp khác (3382)	31B		35,610,240	50,501,580
- Phải trả & phải nộp khác (3383)	31C		1,072,681	-2,393,419
- Phải trả & phải nộp khác / CPH(3388)	31D			
- Phải trả & phải nộp khác (33881)	31E		33,922,900	5,707,900
- Phải trả & phải nộp ve CPH (3385)	31F		63,300,000	109,600,000
- Phải trả & phải nộp khác (3387)	31G			
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,521,092,841	1,485,169,341
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
3. Phải trả dài hạn khác (344)	333A			
3. Phải trả dài hạn khác (33882)	333B			
3. Phải trả dài hạn khác (13882)	333C			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
4. Vay dài hạn (341)	334A			
4. Nợ dài hạn (342)	334B			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		20,694,730,068	18,123,040,042
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	20,694,730,068	18,123,040,042
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12,000,000,000	12,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,247,974,425	3,247,974,425

8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,288,700,000	863,700,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4,158,055,643	2,011,365,617
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước	432A			
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	432B			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		35,487,695,304	24,677,728,142
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Kế toán trưởng
TRẦN THỊ HẠNH
(Đã ký)

Giám đốc
NGUYỄN VĂN DO
(Đã ký)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	41,749,621,369	33,111,251,770
2. Các khoản giảm trừ	02			
+ Chiết khấu thương mại	03			
+ Giảm giá	04			
+ Hàng bán bị trả lại	06			
+ Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/t phải nộp	07			
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-03)	10		41,749,621,369	33,111,251,770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	34,647,883,602	28,819,445,540
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)	20		7,101,737,767	4,291,806,230
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,454,731,668	1,507,560,127
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
- Chi phí bán hàng	24A			
- Chi phí chờ kết chuyển (14221)	24B			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,462,860,845	2,316,605,516
- Chi phí quản lý doanh nghiệp (642)	25A		3,462,860,845	2,316,605,516
- Chi phí chờ kết chuyển (14222)	25B			
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6,093,608,590	3,482,760,841
11. Thu nhập khác	31		856,127,765	370,826,364
12. Chi phí khác	32		40,816,319	65,616,763
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		815,311,446	305,209,601
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6,908,920,036	3,787,970,442
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,727,230,010	1,058,302,602
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		5,181,690,026	2,729,667,840
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		4,318	2,275

Kế toán trưởng
TRẦN THỊ HẠNH
(Đã ký)

Giám đốc
NGUYỄN VĂN DO
(Đã ký)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
----------	-------	-------------	--------	----------

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	40,921,240,960	34,927,113,299
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	18,854,431,890	15,321,183,125
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	12,976,163,643	12,384,046,435
4. Tiền chi trả lãi	4		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-498,183,945	-959,807,752
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	641,195,661	899,583,601
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	7	-6,740,382,212	-4,853,553,695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20	2,493,274,931	2,308,105,893
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-10,536,364	-10,000,000
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
2A. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22A		
2B. Tiền chi liên quan đến t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS khác	22B		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,454,731,668	1,507,560,127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2,444,195,304	1,667,560,127
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-2,160,000,000	-2,160,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-2,160,000,000	-2,160,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2,777,470,235	1,815,666,020
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15,585,301,015	13,769,634,995
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	VII.34	18,362,771,250

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HẠNH

(Đã ký)

Giám đốc

NGUYỄN VĂN DO

(Đã ký)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B 09 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Số 4 được thành lập theo Quyết định số 4934/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp in số 4 thành Công ty Cổ phần In Số 4, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 04 năm 2005.

Trụ sở chính tại: 61 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 14 tháng 04 năm 2005; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT để làm nghề kinh doanh đặc biệt số 0220/GCNĐD do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 03 năm 1994; Giấy phép hoạt động ngành in do Bộ Trưởng Bộ Văn hóa Thông tin cấp ngày 01 tháng 02 năm 1996, hoạt động kinh doanh là in gia công sách báo, xuất bản phẩm, bao bì, mác nhãn mang tính thương mại, biểu mẫu kinh doanh và hoá đơn chứng từ.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

5.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà xưởng	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
Phương tiện vận tải	06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

Kế toán các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác

Các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền.

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác, tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

9.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9.2. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 25% trên thu nhập tính thuế.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	172.053.134	365.102.572
Tiền gửi ngân hàng (VND)	190.718.116	220.198.443
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000 (*)	15.000.000.000
Cộng	18.362.771.250	15.585.301.015

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 3 – TP.HCM.

Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	8.930.902.086	(2.1)	3.337.802.252
Trả trước cho người bán	-		1.000.000.000
Các khoản phải thu khác	1.070.508.219	(2.2)	110.793.930
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.000.000.000)	(2.3)	-
Cộng	9.001.410.305		4.448.596.182

(2.1) Gồm các khách hàng sau:

Công ty TNHH Nhà xuất bản Thời Đại	4.012.590.000
Tổng Công ty Văn Hoá Sài Gòn-Công ty TNHH Một thành viên	2.716.124.000
Công ty TNHH TM & DV Văn hóa Bảo Long	1.673.449.500
Công ty TNHH SX TM Vạn Minh Hùng	344.541.670
Công ty TNHH MTV XSKT Quảng Ninh	94.000.000
NXB Giáo dục tại TP. HCM	36.517.667
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	30.282.249
Công ty CP Nhựa Bảo Vân	13.200.000
Chi nhánh Công ty CP Thiết bị Vật tư Ngân hàng	6.050.000
Công ty In Văn hoá Sài Gòn	4.147.000
Cộng	8.930.902.086

(2.2) Gồm các khoản phải thu:

Phải thu cổ phần hóa	28.270.000
Phải thu Công ty TNHH Hoàng Gia Long An	(*) 1.000.000.000
Phải thu thuế thu nhập cá nhân nhân viên	42.238.219
Cộng	1.070.508.219

(*) Là khoản tiền đặt cọc mua đất cho Công ty TNHH Hoàng Gia Long An theo Hợp đồng số 79 ngày 25 tháng 03 năm 2008, tuy nhiên Hợp đồng này đã không thực hiện và thanh lý theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 29 ngày 28/08/2009.

(2.3) Đây là khoản trích dự phòng khoản phải thu của Công ty TNHH Hoàng Gia Long An (xem thêm 2.2). Theo Quyết định số 11/2010/QĐST-DS ngày 19/01/2011 công

nhận thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Đức Hòa, Công ty TNHH Hoàng Gia Long An phải trả dứt điểm cả gốc và lãi tại ngày 30/03/2011.

Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.322.350.275	1.483.336.389
Công cụ, dụng cụ	19.336.188	6.681.297
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.232.033.862	-
Cộng	4.573.720.325	1.490.017.686

Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn	842.708.100	(*)	20.000.000
Cộng	842.708.100		20.000.000

(*) Tiền bảo lãnh dự thầu in sách giáo khoa năm 2012.

Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng		Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá					
Nhà cửa, vật kiến trúc	4.449.193.400	-	-	-	4.449.193.400
Máy móc thiết bị	19.602.786.156	10.536.364	2.454.845.592	-	17.158.476.928
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.416.323.629	-	-	-	1.416.323.629
Cộng	25.468.303.185	10.536.364	2.454.845.592	-	23.023.993.957
Giá trị hao mòn lũy kế					
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.764.419.467	125.491.812	-	-	3.889.911.279
Máy móc thiết bị	17.214.596.609	880.616.854	2.414.029.273	-	15.681.184.190
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.355.473.850	40.566.504	-	-	1.396.040.354
Cộng	22.334.489.926	1.046.675.170	2.414.029.273	-	20.967.135.823
Giá trị còn lại					
Nhà cửa, vật kiến trúc	684.773.933	-	-	-	559.282.121
Máy móc thiết bị	2.388.189.547	-	-	-	1.477.292.738
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	60.849.779	-	-	-	20.283.275
Cộng	3.133.813.259	-	-	-	2.056.858.134

Nguyên giá tài sản cố định tại 31/12/2011 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.994.077.603 đồng.

Nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho người bán	8.611.080.343 (6.1)	1.398.311.950
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.372.227.171 (6.2)	517.486.867
Phải trả người lao động	2.188.581.960	2.996.011.781
Phải trả, phải nộp khác	99.982.921 (6.3)	157.708.161
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.521.092.841	1.485.169.341
Cộng	<u>14.792.965.236</u>	<u>6.554.688.101</u>

(6.1) Là khoản phải trả cho những nhà cung cấp sau:

NXB Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	3.054.630.530
Công ty CP In Phan Văn Mảng	1.370.655.000
Công ty CP In Gia Định	1.157.552.000
Công ty CP In Tiền Giang	1.091.948.000
Công ty In Văn hoá Sài Gòn	677.930.000
Công ty CP In số 7	484.613.756
Công ty CP In Nguyễn Văn Thành	254.980.000
Công ty TNHH MTV In Sài Gòn Giải Phóng	198.841.500
CN Tổng Công ty CN In BB Liksin – TTKD An Thịnh Liksin	81.764.650
Công ty TNHH Thương mại Gia Hiệp	49.500.000
Công ty Cổ Phần In và Vật tư Sài Gòn	48.070.000
Công ty TNHH TM SX DV Viễn Thái	45.482.800
Công ty CP Thương mại Toàn Lực	43.154.003
Công ty TNHH TM SX Vĩnh Tường Phát	32.340.000
Công ty TNHH Giấy Tân Sanh	19.618.104
Cộng	<u>8.611.080.343</u>

(6.2) Bao gồm các khoản thuế phải nộp sau:

- Thuế giá trị gia tăng	727.105.213
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.522.135.811
- Thuế thu nhập cá nhân	66.281.269
- Các loại thuế khác	56.704.878

Cộng**2.372.227.171**

(6.3) Bao gồm các khoản phải trả khác sau:

- Phải trả về cổ phần hóa	63.300.000
- Kinh phí công đoàn	35.610.240
- Bảo hiểm xã hội	1.072.681
Cộng	99.982.921

Vốn chủ sở hữu**7.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	12.000.000.000	3.247.974.425	583.700.000	1.991.697.777
- Tăng trong năm trước	-	-	280.000.000	2.729.667.840
- Giảm trong năm trước		-	-	2.710.000.000
Số dư cuối năm trước	12.000.000.000	3.247.974.425	863.700.000	2.011.365.617
Số dư đầu năm nay	12.000.000.000	3.247.974.425	863.700.000	2.011.365.617
- Tăng trong năm nay	-	-	425.000.000	5.181.690.026
- Giảm trong năm nay	-	-	-	3.035.000.000
Bao gồm:				
+ Chia cổ tức	-	-	-	2.160.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	450.000.000
+ Trích quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	425.000.000
Số dư cuối năm nay	12.000.000.000	3.247.974.425	1.288.700.000	4.158.055.643

a. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000 (*)	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000

+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.200.000	1.200.000

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2011 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

b. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.181.690.026	2.729.667.840
- Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	5.181.690.026	2.729.667.840
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.318	2.275

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Doanh thu

Chỉ tiêu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	41.749.621.369	33.111.251.770
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Doanh thu thuần	41.749.621.369	33.111.251.770
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	2.454.731.668	1.507.560.127
- Lãi tiền gửi	2.454.731.668	1.418.760.127
- Lãi trái phiếu	-	88.800.000
1.3. Thu nhập khác	856.127.765	370.826.364
- Giấy tiết kiệm	321.582.310	292.190.000
- Thu từ thanh lý tài sản	534.545.455	53.636.364
- Thu nhập khác	-	25.000.000

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.383.168.295	1.193.560.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.862.354	35.977.622
Thuế, phí và lệ phí	187.690.400	222.560.900
Chi phí dự phòng	1.187.800.000	59.100.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.910.322	74.858.842
Chi phí bằng tiền khác	616.429.474	730.547.294
Cộng	3.462.860.845	2.316.605.516

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được điều chỉnh lại theo Biên bản kiểm tra thuế số 355/BBKT-KTT3, số 356/BBKT-KTT3 ngày 30/12/2011, Quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế số 100/QĐ-CT-KTT3 và số 101/QĐ-CT-KTT3 ngày 09/01/2012.

Ảnh hưởng của việc thay đổi đến Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 và Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 như sau:

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)
KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2010	Năm 2010	
Chi phí khác	-	65.616.763	65.616.763
Lợi nhuận khác	370.826.364	305.209.601	(65.616.763)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.853.587.205	3.787.970.442	(65.616.763)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	963.396.801	1.058.302.602	94.905.801
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.890.190.404	2.729.667.840	(160.522.564)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.408	2.275	(133)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2010	31/12/2010	

A. NỢ PHẢI TRẢ	6.394.165.536	6.554.688.100	160.522.564
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	6.394.165.536	6.554.688.100	160.522.564
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	356.964.303	517.486.867	160.522.564
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	18.283.562.606	18.123.040.042	(160.522.564)
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	18.283.562.606	18.123.040.042	(160.522.564)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.171.888.181	2.011.365.617	(160.522.564)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 05 năm 2012

Kế toán trưởng
TRẦN THỊ HẠNH
(Đã ký)

Giám đốc
NGUYỄN VĂN DO
(Đã ký)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2011
của CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

Kính gửi: Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Số 4 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03 tháng 05 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ vào công việc kiểm toán mà chúng tôi đã thực hiện.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Số 4 tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, chúng tôi xin lưu ý người đọc vấn đề sau:

Báo cáo kiểm toán này thay thế báo cáo kiểm toán số 75/BCKT-2011 ngày 12 tháng 03 năm 2012 vì báo cáo tài chính đính kèm có điều chỉnh như sau:

- 1) Công ty điều chỉnh lại theo Biên bản kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty. Điều này ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như sau:

- + Ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày cột “Năm nay” trên báo cáo kết quả kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trình bày trên BCTC năm 2011 lập ngày 12/03/2012	Số liệu trình bày trên BCTC năm 2011 lập ngày 03/05/2012
Giá vốn hàng bán	11	35.879.917.464	34.647.883.602
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	993.455.081	1.727.230.010
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.683.431.093	5.181.690.026
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.903	4.318

- + Ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày cột “Số cuối năm” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trình bày trên BCTC năm 2011 lập ngày 12/03/2012	Số liệu trình bày trên BCTC năm 2011 lập ngày 03/05/2012
Hàng tồn kho	141	3.341.686.463	4.573.720.325
Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	650.227.190
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	988.225.052	2.372.227.171
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	3.659.796.710	4.158.055.643

- 2) Số liệu năm trước Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trình bày lại các chỉ tiêu do lỗi trình bày một số chỉ tiêu như chỉ tiêu “Các khoản dự phòng”; “Tăng giảm các khoản phải thu”; “Tăng giảm hàng tồn kho”

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2012

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐINH TẤN TƯỜNG
Chứng chỉ KTV số: 0175/KTV
(Đã ký)

KIỂM TOÁN VIÊN
PHẠM ĐÔNG SƠN
Chứng chỉ KTV số: 1052/KTV
(đã ký)

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: Công ty mẹ

Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY VĂN HÓA SÀI GÒN

Quyết định thành lập Công ty nhà nước số: 177/2003/QĐ-UB ngày 12/09/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 391A Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Ti lệ nắm giữ: 51%

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1. Thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

🕒 *Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). Số thành viên của Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 05 năm

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

01.	Ông Phan Chí Trung	–	Chủ tịch Hội đồng quản trị
02.	Ông Nguyễn Văn Do	–	Thành viên HĐQT, Giám đốc
03.	Ông Phạm Trần Thọ	–	Thành viên Hội đồng quản trị
04.	Bà Trần Thị Hạnh	–	Thành viên Hội đồng quản trị
05.	Ông Trần Văn Nhanh	–	Thành viên Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011:

Trong năm vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời nắm bắt và xây dựng các định hướng phát triển doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng

quản trị cũng chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện các chỉ tiêu về sản xuất và kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đã đề ra các nghị quyết, quyết định quan trọng để thực hiện và hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của đại hội đồng cổ đông đã thông qua với các kết quả nổi bật về doanh thu, lợi nhuận cũng như các

- Tổng số trang in (13x19) đạt 6.752.186.000 tương đương 107% so với kế hoạch
- Doanh thu đạt: 33.869 triệu đồng tương đương 116% so với kế hoạch
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước đúng qui định của pháp luật.

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT:

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2011 là 1500.000 đồng / người / tháng

🕒 **Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm . Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

01.	Bà Lê Thị Đan Phương	Trưởng Ban Kiểm soát
02.	Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
03.	Ông Nguyễn Hữu Tài	Thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2011:

- **Kiểm soát chiến lược:**

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban TGD. Tham gia đủ tất cả các phiên họp thường kỳ cũng như bất thường của HĐQT .Đóng góp ý kiến xây dựng các quyết định, nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật doanh nghiệp mới và điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT thực hiện chức năng trong công tác nhân sự.

- Thường xuyên ghi nhận, kiểm tra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất của cổ đông và đề nghị HĐQT, Ban giám đốc xem xét, giải thích và giải quyết kịp thời các kiến nghị đó.

- Kiểm soát hoạt động:

- Tổ chức kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính của công ty (01lần/năm)
- Giám sát việc chấp hành các chế độ chính sách với người lao động.
- Giám sát việc chi trả cổ tức và thực hiện phân bổ lợi nhuận hàng năm.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính:

Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ;

Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa

Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên ban Kiểm soát năm 2011 là 1.000.000 đồng /người/tháng

2. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

Để tăng cường hơn nữa hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc sẽ tập trung thực hiện các kế hoạch sau:

- Ổn định hơn nữa mô hình tổ chức để xây dựng bộ máy hợp lý khoa học trên cơ sở các quy trình tác nghiệp, mô tả công việc. Bộ máy điều hành cần tinh gọn nhưng vẫn đảm bảo điều hành toàn công ty hiệu quả.
- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, tuyển dụng, đào tạo có kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, kết hợp các phương thức đào tạo và tự đào tạo.
- Ngoài đào tạo về nghiệp vụ chuyên môn, quan tâm hơn đến công tác đào tạo về kỹ năng quản lý cho các cấp quản lý công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát phải được đào tạo và đạt chứng chỉ về quản trị công ty.
- Thực hiện tốt các quy định về thưởng phạt để tạo động lực phát triển.
- Liên tục cập nhật, đổi mới, nhất là quy chế nội bộ.
- Lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, chuyên môn, phẩm chất đạo đức để thành lập một bộ phận chuyên trách giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ.

- Đưa việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp thành mục tiêu hiện thực với những tiêu chí cụ thể trong giai đoạn tới.

3. Danh sách cổ đông

Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ % trên vốn Điều lệ
1	Cổ đông nhà nước	612.000	6.120.000.000	51
2	Cổ đông là Cán bộ CNV trong công ty	333.140	3.331.400.000	27,76
3	Cổ đông ngoài công ty	254.860	2.548.600.000	21,23
	Cá nhân	228.150	2.281.500.000	19,01
	Tổ chức	26.710	267.100.000	2,22
	Tổng cộng	1.200.000	12.000.000.000	100

(Nguồn: Danh sách sổ cổ đông chốt ngày 30/03/2012)

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn	391A Trần Hưng Đạo P. Cầu Kho Q.1 HCM	4106000014	612.000	51%
	Tổng cộng			612.000	51%

(Nguồn Danh sách sổ cổ đông chốt ngày 30/03/2012)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SỐ 4